

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2021/HS-ST
Ngày: 10/11/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đỉnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Lan

2. Ông Tài Văn Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án.

- Đại diện V kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tâm

– Kiểm sát viên.

Trong ngày 10/11/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai, Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 51/2021/TLST-HS ngày 17 tháng 9 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 9 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Vũ Thị V; Giới tính: Nữ; Sinh năm: 1973, tại Hải Dương; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố P, thị trấn T, huyện M, tỉnh Hải Dương; Chỗ ở trước khi phạm tội: Thôn B, xã K, huyện G, tỉnh Gia Lai; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Vũ Huy T (đã chết) và bà Nguyễn Thị N; Bị cáo có chồng tên là Trần Phú D (đã ly hôn) và 02 con (lớn sinh năm 1992, nhỏ sinh năm 1995); Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt “Tạm giữ” từ ngày 06/4/2021 đến ngày 15/4/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

2. Nguyễn Diệp H; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1982, tại Phú Yên; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã A, huyện M, tỉnh Phú Yên; Chỗ ở trước khi phạm tội: Làng D, xã K, huyện G, tỉnh Gia Lai; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Nguyễn Tấn H1 và bà Diệp Thị Mỹ V; Bị cáo có vợ tên là Đặng Thị S (đã ly hôn) và 01 con (lớn sinh năm 2009); Tiền án, tiền sự: Không; Về nhân thân: Ngày 15/7/2009 bị Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xử phạt 5.000.000 đồng về tội “đánh bạc” đã chấp hành xong hình phạt và đã được xóa án tích. Bị bắt “Tạm giữ” từ ngày 06/4/2021 đến ngày 15/4/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

3. Đỗ Văn T; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1982, tại Thái Bình; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước khi phạm tội: Thôn M, xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Đỗ Văn K (đã chết) và bà Nguyễn Thị Hồng Q; Bị cáo có vợ tên là Đặng Thị P và 02 con (lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2015); Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 27/10/2020 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G xử phạt hành chính số tiền 9.000.000 đồng về hành vi “đánh bạc”, ngày 16/7/2021 mới chấp hành xong; Bị “Tạm giữ, tạm giam”

từ ngày 16/7/2021 đến ngày 02/8/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

4. Phạm Thị T1; Giới tính: Nữ; Sinh năm: 1961, tại Hải Dương; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước khi phạm tội: Thôn B, xã K, huyện G, tỉnh Gia Lai; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 3/12; Nghề nghiệp: Nội trợ; Con ông Phạm Văn C (đã chết) và bà Tạ Thị C1 (đã chết); Bị cáo có chồng tên là Nguyễn Văn H và 03 con (lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 1993); Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt “Tạm giữ” từ ngày 06/4/2021 đến ngày 15/4/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

5. Lương Thị Đ; Giới tính: Nữ; Sinh ngày: 26/9/1989, tại Gia Lai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước khi phạm tội: Thôn 3, xã K, huyện G, tỉnh Gia Lai; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Lương Văn Lâm và bà Võ Thị Liên; Bị cáo có chồng tên là Phùng Thái Hòa và 02 con (lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2012); Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt “Tạm giữ” từ ngày 06/4/2021 đến ngày 15/4/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

6. Đoàn Thị G; Giới tính: Nữ; Sinh ngày: 08/11/1979, tại Thái Bình; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước khi phạm tội: Thôn 4, xã K, huyện G, tỉnh Gia Lai; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Đoàn Văn Thạch và bà Phan Thị Nhung; Bị cáo có chồng tên là Nguyễn Văn Khoản và 02 con (lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2001); Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt “Tạm giữ” từ ngày 06/4/2021 đến ngày 15/4/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 06/4/2021, bị cáo Vũ Thị V uống cà phê cùng với các bị cáo Lương Thị Đ và Phạm Thị T1 tại thôn b, xã K, huyện G. Trong lúc ngồi uống cà phê thì V rủ T1 và Đ đến lô cao su thuộc thôn N, xã K, huyện G để chơi đánh bài ăn tiền thì Đ và T1 đồng ý. Sau đó V điện thoại rủ Nguyễn Diệp H đến chơi đánh bài ăn tiền thì H đồng ý và H rủ thêm Đỗ Văn T cùng tham gia thì T đồng ý. Khoảng 11 giờ cùng ngày tất cả có mặt tại lô cao su, lúc này V đã chuẩn bị sẵn bài tú lơ khơ, 01 tấm bạt, 01 tấm vải và nước uống. Sau đó Đ, T1, H, T bắt đầu chơi đánh bài phỏm ăn tiền, còn V ngồi xem và thu tiền xâu. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày thì Đoàn Thị G liên lạc với V thì V nói đang chơi đánh bài ăn tiền ở địa điểm trên và nói G đến chơi, G đồng ý. Khoảng 14 giờ cùng ngày thì T1 chơi thua hết tiền nên G vào chơi thay, còn T1 ngồi xem mọi người chơi. Đến khoảng 14 giờ 30 phút thì bị Công an huyện G phát hiện bắt quả tang. Trong quá trình đánh bạc, các bị cáo thống nhất cách chơi phỏm như sau: Các bị cáo dùng bộ bài tú lơ khơ loại 52 lá, mỗi lá bài được thể hiện gồm có hai phần là phần số hoặc chữ và chất cụ thể như sau: phần số gồm có các lá bài từ 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 với số giá trị tính điểm tương ứng với số ghi trên lá bài đó; phần chữ gồm các lá bài J (bồi), Q (qui), K (già) với số giá trị tính điểm lần

lượt là 11, 12, 13 và A (át) có giá trị 1 điểm; phần chất của lá bài được thể hiện gồm có bốn chất theo thứ tự từ thấp đến cao là Bích, Chuồn, Rô và Cơ. Phỏm là sự kết hợp của ba lá bài trở lên có cùng giá trị ở phần chữ hoặc phần số như đã trình bày ở trên, nếu có bốn lá bài thì tạo thành tứ quý hay phỏm tứ quý hoặc phỏm có thể tạo thành tứ sảnh có từ ba lá bài trở lên, cùng chất và liên tiếp theo thứ tự giá trị tính điểm như đã quy ước. Khi chơi bài thì một người sẽ trộn bài rồi chia lần lượt cho cả bốn người, mỗi người 9 lá bài, riêng có một người có 10 lá bài và cũng là người đánh đầu tiên, số lá bài còn lại sẽ xếp chồng để ở giữa bốn người. Người chơi sẽ cầm số bài được chia và sắp xếp cho những lá bài này có thể kết hợp với nhau để tạo thành phỏm, nếu không thì xếp để chờ những lá bài người chơi liên kế được đánh trước bỏ xuống hoặc bài bốc lên từ chồng bài ở giữa khi đến lượt đánh. Ván bài do người có 10 lá bài đánh trước và lần lượt cho đến hết, kết thúc khi có một người chơi ù hoặc nếu không có ai ù thì sẽ kết thúc sau khi bốc hết bài đã xếp chồng ở giữa. Ù tức là có người chơi bằng các cách khác nhau đã có thể kết hợp các lá bài với nhau để tạo thành ba phỏm trước khi hạ bài, còn nếu không có ai ù thì thứ tự thắng sẽ được tính theo cách thông thường và tính điểm tổng các lá bài không tạo thành phỏm đang cầm trên tay, ai ít điểm hơn thì có thứ tự cao hơn, nếu có cùng điểm thì ai kết thúc lượt đánh của mình trước thì có thứ tự về cao hơn. Ai về nhất hoặc ù được ăn hết số tiền của những người còn lại, người thua nhì mất số tiền 50.000 đồng, người thua ba mất số tiền 100.000 đồng, người thua bét mất số tiền 150.000 đồng, người không có phỏm (cháy) mất số tiền 200.000 đồng. Nếu có người ù thì những người còn lại mất số tiền 250.000 đồng và người thắng phải bỏ tiền xâu số tiền 50.000 đồng.

Trong quá trình điều tra xác định số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 10.570.000 đồng. Trong đó bị cáo Đ có số tiền 2.670.000 đồng, bị cáo T1 có số tiền 1.000.000 đồng, bị cáo G có số tiền 2.300.000 đồng, bị cáo H có số tiền 1.850.000 đồng, bị cáo T có số tiền 2.750.000 đồng. Tại thời điểm bắt quả tang bị cáo V đã thu xâu được số tiền 600.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 44/CT-VKS ngày 17/9/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai truy tố các bị cáo Vũ Thị V, Nguyễn Diệp H, Đỗ Văn T, Phạm Thị T1, Lương Thị Đ và Đoàn Thị G về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Thị V từ 14 – 18 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Diệp H từ 14 – 18 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Văn T từ 14 – 18 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Thị T1 Đoàn Thị G mỗi bị cáo từ 08 – 10 tháng tù cho hưởng án treo; áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lương Thị Đ từ 06 – 08 tháng tù cho hưởng án treo; Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với tất cả các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu để sung vào công quỹ Nhà nước số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là Số tiền 10.570.000 đồng; Tịch thu để tiêu hủy 01 tấm vải màu hồng, kích thước (160x160)cm; 01 tấm bạt màu xanh cam, kích thước (400x160)cm; 01 bộ bài tú lơ khơ 52 lá, mặt sau có các biểu tượng xúc xắc, cúc áo; 01 bộ bài tú lơ khơ, 52 lá, mặt sau có màu xanh, vàng, đen; 01 điện thoại di động hiệu Star 4 màu đen, số Imei: 355123110816692; 01 điện thoại di động hiệu Nokia TA-1034 màu đen, số Imei 354493090577395; 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu đỏ, số Imei 867178043453493; 01 điện thoại di động Nokia TA 1174, số Imei 1353109118475575 màu đen, đã qua sử dụng; Đề nghị truy thu của bị cáo Vũ Thị V số tiền 400.000 đồng để sung vào công quỹ Nhà nước.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng, đều đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Vũ Thị V, Nguyễn Diệp H, Đỗ Văn T, Phạm Thị T1, Lương Thị Đ và Đoàn Thị G đều công nhận vào ngày 06/4/2021 đã cùng nhau tham gia đánh bạc thì bị Công an huyện G phát hiện, bắt quả tang. Tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 10.570.0000 đồng như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đều có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận hành vi của các bị cáo Vũ Thị V, Nguyễn Diệp H, Đỗ Văn T, Phạm Thị T1, Lương Thị Đ và Đoàn Thị G đã phạm vào tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Do đó, V kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai truy tố các bị cáo theo tội danh nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Trong quá trình Điều tra, truy tố, xét xử, hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều đúng quy định của pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm một cách bất hợp pháp đến trật tự công cộng xã hội. Đây là vụ án có nhiều người tham gia nhưng chỉ ở mức đồng phạm giản đơn, các bị cáo có nhân thân, thái độ chấp hành pháp luật, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác nhau nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 58 của Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt đối với từng bị cáo.

[5] Bị cáo Vũ Thị V là người chủ động gọi điện thoại rủ các bị cáo khác đến đánh bạc để thu tiền xâu, bị cáo là người có hành vi tổ chức nhưng chưa đủ định lượng nên là đồng phạm với các bị cáo khác về tội “Đánh bạc”, bị cáo phải chịu trách nhiệm nặng hơn các bị cáo khác; Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình; Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” và “Người phạm tội thành khẩn khai báo” quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ khi quyết định hình phạt.

[6] Bị cáo Nguyễn Diệp H, Đỗ Văn T là đồng phạm, đều có nhân thân xấu, bị cáo H đã bị kết án về tội “đánh bạc”, bị cáo T đã bị xử lý hành chính cũng về hành vi “đánh bạc” nhưng không chịu sửa đổi bản thân, tiếp tục phạm tội cùng loại nên bị xử phạt nặng hơn các bị cáo khác và cần thiết áp dụng hình phạt tù đối với cả hai bị cáo này. Các bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội thành khẩn khai báo” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, bị cáo T sau khi bỏ trốn cũng đã ra đầu thú là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ khi quyết định hình phạt.

[7] Các bị cáo Phạm Thị T1, Lương Thị Đ và Đoàn Thị G là đồng phạm không phải là người rủ các bị cáo khác đánh bạc nên chịu trách nhiệm nhẹ hơn các bị cáo khác. Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình; Các bị cáo đều có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” và “Người phạm tội thành khẩn khai báo” quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ khi quyết định hình phạt. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng nên Hội đồng xét xử xem xét không áp dụng hình phạt tù cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà xử phạt tù cho hưởng án treo, tạo điều kiện cho bị cáo được trực tiếp lao động cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương, thể hiện rõ sự khoan hồng của pháp luật đối với người lần đầu phạm tội.

[8] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo Vũ Thị V là người có hành vi tổ chức đánh bạc nhằm thu lợi bất chính từ việc thu tiền xâu nên phải áp dụng; các bị cáo còn lại Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng: Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu để sung vào công quỹ Nhà nước số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là Số tiền 10.570.000 đồng; Tịch thu để tiêu hủy 01 tấm vải màu hồng, kích thước (160x160)cm; 01 tấm bạt màu xanh cam, kích thước (400x160)cm; 01 bộ bài tú lơ khơ 52 lá, mặt sau có các biểu tượng xúc xắc, cúc áo; 01 bộ bài tú lơ khơ, 52 lá, mặt sau có màu xanh, vàng, đen; 01 điện thoại di động hiệu Star 4 màu đen, số Imei: 355123110816692; 01 điện thoại di động hiệu Nokia TA-1034 màu đen, số Imei 354493090577395; 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu đỏ, số Imei 867178043453493; 01 điện thoại di động Nokia TA 1174, số Imei 1353109118475575 màu đen, đã qua sử dụng; Đối với đề nghị truy thu của bị cáo V số tiền 400.000 đồng đã cho bị cáo T1 mượn trong số tiền 600.000 đồng thu tiền xâu của đại diện V kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng số tiền này đã bị thu giữ và nằm trong số tiền đánh bạc của các bị cáo nên không truy thu.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Vũ Thị V, Nguyễn Diệp H, Đỗ Văn T, Phạm Thị T1, Lương Thị Đ và Đoàn Thị G phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Vũ Thị V 10 (mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án và được trừ đi thời gian bị tạm giữ từ ngày 06/4/2021 đến ngày 15/4/2021.

Xử phạt bổ sung đối với bị cáo Vũ Thị V số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Diệp H 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án và được trừ đi thời gian bị tạm giữ từ ngày 06/4/2021 đến ngày 15/4/2021.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn T 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án và được trừ đi thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/7/2021 đến ngày 02/8/2021.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Phạm Thị T1 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án (ngày 10/11/2021).

Xử phạt bị cáo Đoàn Thị G 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án (ngày 10/11/2021).

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Lương Thị Đ 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án (ngày 10/11/2021).

Giao các bị cáo Phạm Thị T1, Lương Thị Đ, Đoàn Thị G về cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện G, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo Phạm Thị T1, Lương Thị Đ, Đoàn Thị G thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt với bản án mới theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

- Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tổ tụng hình sự,

Tịch thu để sung vào công quỹ Nhà nước số tiền 10.570.000 đồng (Mười triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng); 01 điện thoại di động hiệu Star 4 màu đen, số Imei: 355123110816692; 01 điện thoại di động hiệu Nokia TA-1034 màu đen, số Imei 354493090577395, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu đỏ, số Imei

867178043453493, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động Nokia TA - 1174, số Imei 1353109118475575 màu đen, đã qua sử dụng.

Tịch thu để tiêu hủy Tịch thu để tiêu hủy 01 tấm vải (chăn) màu hồng, kích thước (160x160)cm; 01 tấm bạt màu xanh - cam, kích thước (400x160)cm; 01 bộ bài tú lơ khơ 52 lá bài, mặt sau có các biểu tượng xúc xắc, cúc áo; 01 bộ bài tú lơ khơ, 52 lá bài, mặt sau có màu xanh, vàng, đen;

(Các vật chứng nói trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 01/10/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G, tỉnh Gia Lai và Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai).

- Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí lệ, phí Tòa án,

Buộc các bị cáo Vũ Thị V, Nguyễn Diệp H, Đỗ Văn T, Phạm Thị T1, Lương Thị Đ và Đoàn Thị G mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (10/11/2021).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện G;
- Công an huyện G;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- UBND xã K, T;
- Sở Tư pháp Gia Lai;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu HSVA; THAHS, THADS;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)**

Lê Văn Đính